|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIA THỤY  **NHÓM KHTN 6**  **ĐỀ 2** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  **MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**  **Năm học 2021 – 2022**  **Ngày kiểm tra:**  **Thời gian làm bài: 90 phút** |

**Chọn đáp đúng trong các câu sau:**

**Câu 1.** Loại lá cây nào có thể tiết ra các chất có tác dụng diệt khuẩn?

1. Thông.
2. Mồng tơi.
3. Lá ngón.
4. Chuối.

**Câu 2.** Hoạt động nào của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng khí oxygen mất đi do sinh vật hô hấp và đốt cháy nhiên liệu?

1. Hút nước.
2. Hô hấp.
3. Quang hợp.
4. Hút muối khoáng.

**Câu 3.** Bộ phận nào của cơ thể thực vật có khả năng ngăn bụi hiệu quả nhất ?

1. Thân.
2. Hoa.
3. Tán lá.
4. Hệ rễ.

**Câu 4.**  Thực vật KHÔNG có vai trò nào?

1. Cung cấp phù sa cho đất.
2. Điều hoà khí hậu.
3. Hạn chế ngập lụt, hạn hán.
4. Giữ đất, chống xói mòn.

**Câu 5.** Trong các biện pháp giúp giảm thiểu ô nhiễm không khí và điều hòa khí hậu, biện pháp mang lại hiệu quả lâu dài nhất là

1. ngừng sản xuất công nghiệp.
2. xây dựng hệ thống xử lí chất thải.
3. trồng cây gây rừng.
4. di dời các nhà máy gây ô nhiễm lên vùng núi xa khu dân cư

**Câu 6.** Cây nào được sử dụng làm thực phẩm?

1. Cây cà chua
2. Cây phượng.
3. Cây kim tiền .
4. Cây xà cừ.

**Câu 7.** Cây nào chứa độc tố và gây hại đến sức khoẻ con người?

1. Rau ngót.
2. Cần tây.
3. Thuốc phiện.
4. Rau muống.

**Câu 8.** Cây nào là cây cho bóng mát?

1. Cây mướp đắng.
2. Cây xà cừ.
3. Cây ngô.
4. Cây lúa.

**Câu 9.** Đặc điểm nào KHÔNG được dùng phân loại các nhóm Thực vật?

1. Có mạch dẫn hoặc không có mạch dẫn.
2. Có hạt hoặc không có hạt.
3. Có hoa hoặc không có hoa.
4. Có rễ hoặc không có rễ.

**Câu 10.** Thực vật **KHÔNG** có mạch dẫn là

1. cây rêu.
2. cây dương xỉ.
3. cây thông.
4. cây bưởi.

**Câu 11.** Thực vật nào có mạch dẫn, có hạt, không có hoa?

1. Cây thông
2. Cây lúa.
3. Cây dừa.
4. Cây bưởi.

**Câu 12.** Cây nào được xếp vào nhóm thực vật quý hiếm ở nước ta?

1. Xà cừ.
2. Bạch đàn.
3. Tam thất.
4. Trầu không.

**Câu 13.** Động vật có xương sống khác động vật không xương sống ở đặc điểm chính nào?

1. Đa dạng về số lượng loài.
2. Đa dạng về môi trường sống.
3. Có nhiều hình dạng khác nhau.
4. Có bộ xương trong, xương sống ở dọc lưng.

**Câu 14.** Thuỷ tức là đại diện của nhóm động vật nào?

1. Ruột khoang.
2. Giun.
3. Thân mềm.
4. Chân khớp.

**Câu 15.** Động vật ngành Ruột khoang có

1. lớp vỏ cứng bên ngoài bảo vệ.
2. cơ thể phân đốt.
3. cơ thể đối xứng hai bên.
4. cơ thể đối xứng tỏa tròn.

**Câu 16.** Động vật nào thuộc ngành Giun tròn?

1. Giun đất.
2. Rươi.
3. Giun kim.
4. Sán lá gan.

**Câu 17.** Động vật nào KHÔNG kí sinh trong cơ thể người?

1. Giun đất.
2. Giun đũa.
3. Sán dây.
4. Giun kim.

**Câu 18.** Đặc điểm nào KHÔNG phải của các ngành Giun?

1. Cơ thể dài.
2. Cơ thể có đối xứng hai bên.
3. Cơ thể có đối xứng tỏa tròn.
4. Phân biệt đầu và thân.

**Câu 19.** Biện pháp nào KHÔNG giúp phòng tránh các bệnh do giun sán kí sinh?

1. Ngủ mắc màn.
2. Vệ sinh cá nhân sạch sẽ.
3. Ăn chín, uống sôi.
4. Uống thuốc tẩy giun sán định kì.

**Câu 20.** Động vật thân mềm sống trên cạn là

1. hàu.
2. mực.
3. ốc sên.
4. sò.

**Câu 21.** Động vật Thân mềm nào gây hại cho cây trồng?

1. Sò.
2. Mực.
3. Ốc vặn.
4. Ốc bươu vàng.

**Câu 22.** Châu chấu gây tác hại nào?

1. Truyền bệnh.
2. Có nọc độc.
3. Phá hoại mùa màng.
4. Hút máu của động vật.

**Câu 23.** Đại diện nào thuộc ngành Chân khớp?

1. Cá.
2. Sò.
3. Ruồi.
4. Mực.

[**Câu 24.** Động vật Chân khớp nào có ích trong việc thụ phấn cho cây trồng?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/-nhom-dong-vat-nao-sau-day-chi-song-trong-moi-truong-nuoc-5950)

1. Bướm.
2. Nhện.
3. Ve sầu.
4. Châu chấu.

**Câu 25.** Lớp động vật nào thuộc ngành Động vật không xương sống?

1. Cá.
2. Lưỡng cư.
3. Giun.
4. Thú.

**Câu 26.** Loài giun nào có vai trò trong nông nghiệp, lâm nghiệp?

1. đỉa.
2. lối sống và đặc điểm cơ thể.
3. giun đất.
4. hình dạng và môi trường sống.

**Câu 27.** Động vật có xương sống bao gồm

1. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim,Thú.
2. Cá, Chân khớp, Bò sát, Chim,Thú.
3. Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Ruột khoang, Thú.
4. Thân mềm, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.

**Câu 28.** Động vật thuộc các lớp Cá KHÔNG có đặc điểm nào?

1. Sống ở nước.
2. Di chuyển bằng vây.
3. Cơ thể phổ biến hình thoi.
4. Hô hấp bằng phổi.

**Câu 29.** Loài cá nào thuộc lớp Cá sụn?

1. Cá nhám.
2. Cá hồi.
3. Cá chép.
4. Cá rô.

**Câu 30.** Đặc điểm nào là của lớp Lưỡng cư?

1. Đẻ trứng, thụ tinh ở môi trường nước.
2. Da khô, phủ vảy sừng.
3. Đẻ con.
4. Sống trên cạn.

**Câu 31.** Cá cóc là đại diện của lớp động vật nào?

1. Cá.
2. Lưỡng cư.
3. Bò sát.
4. Thú.

**Câu 32.** Đại diện nào thuộc lớp Bò sát?

1. Cá sấu.
2. Cá ngựa.
3. Cá heo.
4. Cá cóc.

**Câu 33.** Đặc điểm nào có ở lớp Bò sát?

1. Da khô, phủ vảy sừng.
2. Cơ thể có lông mao bao phủ.
3. Đẻ con.
4. Nuôi con bằng sữa mẹ.

**Câu 34.** Đặc điểm nào KHÔNG có ở lớp Chim?

1. Cơ thể có lông vũ bao phủ.
2. Cơ thể có lông mao bao phủ.
3. Đẻ trứng.
4. Chi trước biến đổi thành cánh.

**Câu 35.** động vật nào thuộc nhóm động vật có xương sống?

1. Ruột khoang.
2. Thân mềm.
3. Chim.
4. Chân khớp.

**Câu 36.** Loài chim nào **KHÔNG** có khả năng bay nhưng lại chạy nhanh?

1. Đà điểu.
2. Cắt.
3. Đại bàng.
4. Gà.

**Câu 37.** Loài chim cánh cụt KHÔNG có đặc điểm nào?

1. Lông dày không thấm nước.
2. Lớp mỡ dày.
3. Chân có màng bơi.
4. Da trần, luôn ẩm ướt.

**Câu 38.** Loài động vật nào có chi trước biến đổi thành cánh da?

1. Đà điểu.
2. Thú mỏ vịt.
3. Chim bồ câu.
4. Dơi.

**Câu 39.** Đặc điểm nào KHÔNG có ở lớp Thú?

1. Lông vũ.
2. Lông mao bao phủ.
3. Đẻ con.
4. Nuôi con bằng sữa mẹ.

**Câu 40.** Động vật nào truyền bệnh dịch hạch?

1. Chuột.
2. Thỏ.
3. Muỗi.
4. Mèo.

------------------------- HẾT ---------------------------